

Số: 4252/QĐ-ĐHSPHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận nghiên cứu sinh khoá 42 năm 2022 (Đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ, ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 97/TTg, ngày 11/3/1977 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 3468/QĐ-ĐHSPHN ngày 07/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 28 nghiên cứu sinh năm 2022 (đợt 2) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội gồm những người có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng Phòng Sau đại học, các Phòng, Khoa liên quan và các nghiên cứu sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, SDH.



GS.TS. Nguyễn Văn Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH KHÓA K42 - ĐỢT 2 - NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 4272/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội)

TT	Khoa	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Hình thức đào tạo
1	Công nghệ Thông tin	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	19/11/1989	Bắc Giang	Khoa học máy tính	9480101	Chính quy tập trung 3 năm
2	Giáo dục Mầm non	Vũ Kiều Anh	Nữ	19/07/1993	Nam Định	Giáo dục Mầm non	9140101	Chính quy tập trung 3 năm
3	Giáo dục Mầm non	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	Nữ	27/09/1983	Bình Dương	Giáo dục Mầm non	9140101	Chính quy tập trung 3 năm
4	Giáo dục Tiểu học	Phạm Phương Anh	Nữ	31/10/1989	TP.HCM	Lý luận và PPDH Tiểu học	9140110	Chính quy tập trung 3 năm
5	Hóa học	Nguyễn Minh Châu	Nữ	09/07/2000	Hà Nội	Hoá lý thuyết và hoá lý	9440119	Chính quy tập trung 4 năm
6	LLCT-GDCD	Bùi Xuân Anh	Nữ	17/10/1984	Hải Dương	Lý luận và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị	9140111	Chính quy tập trung 3 năm
7	Quản lý Giáo dục	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	07/10/1988	Quảng Ninh	Quản lý giáo dục	9140114	Chính quy tập trung 3 năm
8	Quản lý Giáo dục	Nghiêm Thị Hoa	Nữ	01/07/1986	Bắc Ninh	Quản lý giáo dục	9140114	Chính quy tập trung 3 năm
9	Quản lý Giáo dục	Phạm Thị Ánh Ngọc	Nữ	26/09/1983	Vĩnh Phúc	Quản lý giáo dục	9140114	Chính quy tập trung 3 năm
10	Quản lý Giáo dục	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	17/05/1976	Hưng Yên	Quản lý giáo dục	9140114	Chính quy tập trung 3 năm
11	Quản lý Giáo dục	Nguyễn Xuân Thanh	Nữ	14/08/1987	Hà Nội	Quản lý giáo dục	9140114	Chính quy tập trung 3 năm
12	Sinh học	Võ Thị Bích Thủy	Nữ	02/05/1980	Quảng Trị	Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	9140111	Chính quy tập trung 3 năm

13	Tâm lý - Giáo dục	Nguyễn Hải	Biên	Nam	11/11/1977	Hưng Yên	Lý luận và lịch sử giáo dục	9140102	Chính quy tập trung 3 năm
14	Tâm lý - Giáo dục	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	12/08/1976	Hà Nội	Lý luận và lịch sử giáo dục	9140102	Chính quy tập trung 3 năm
15	Tâm lý - Giáo dục	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	03/03/1985	Hải Dương	Lý luận và lịch sử giáo dục	9140102	Chính quy tập trung 3 năm
16	Tâm lý - Giáo dục	Hà Thanh	Huệ	Nữ	16/03/1983	Phú Thọ	Tâm lý học chuyên ngành	9310401	Chính quy tập trung 3 năm
17	Tâm lý - Giáo dục	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	20/10/1989	Thanh Hóa	Tâm lý học chuyên ngành	9310401	Chính quy tập trung 3 năm
18	Tâm lý - Giáo dục	Trịnh Thị Cẩm	Tuyền	Nữ	12/12/1988	Bình Định	Tâm lý học chuyên ngành	9310401	Chính quy tập trung 3 năm
19	Tâm lý - Giáo dục	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	08/05/1980	Quảng Bình	Tâm lý học chuyên ngành	9310401	Chính quy tập trung 3 năm
20	Tâm lý - Giáo dục	Lê Thị Ngọc	Thúy	Nữ	25/03/1990	Thái Bình	Tâm lý học chuyên ngành	9310401	Chính quy tập trung 3 năm
21	Toán - Tin	Đồng Hữu	Mậu	Nam	07/10/1984	Hải Dương	Đại số và lý thuyết số	9460104	Chính quy tập trung 3 năm
22	Toán - Tin	Nguyễn Ngọc	Viên	Nam	15/05/1979	Hải Dương	Phương trình vi phân và tích phân	9460103	Chính quy tập trung 3 năm
23	Toán - Tin	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	03/03/1989	Nam Định	Phương trình vi phân và tích phân	9460103	Chính quy tập trung 3 năm
24	Triết học	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	12/12/1984	Tiền Giang	Triết học	9229001	Chính quy tập trung 3 năm
25	Triết học	Vũ Văn	Huân	Nam	20/11/1989	Hưng Yên	Triết học	9229001	Chính quy tập trung 3 năm
26	Triết học	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	22/07/1982	Thừa Thiên Huế	Triết học	9229001	Chính quy tập trung 3 năm

27	Triết học	Cao Thị Hồng Thắm	Nữ	02/02/1985	Phú Yên	Triết học	9229001	Chính quy tập trung 3 năm
28	Vật lí	Phạm Vũ Bích Hằng	Nữ	01/04/1983	Thái Bình	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	9140111	Chính quy tập trung 3 năm

(Danh sách gồm có 28 NCS)

